TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Minh Trung**

Ông **Lương Chí Nguyện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Khắc Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Giang** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Bích T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị H,** sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Bích T trình bày:

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2014 bà cho vợ chồng bà Lê Thị H và ông Võ Văn (ông C đã chết 2019) vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000/tháng, vay không xác định thời hạn trả. Khi cho vay không làm biên nhận nhưng đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 mới viết lại biên nhận với nội dung là "*từ 07/10/2014 đến nay có 07 tháng chị sáu không có tính lãi vợ chồng tám cầu. Võ Văn C, vợ Lê Thị H ở ấp A xã B thiếu T tiền vốn 35.000.000 đồng; Hiện nay ông Võ Văn C ấp A, P còn thiếu T y tế (ở ấp 19) PT 35.000.000 đồng (ba*

mươi lăm triệu đồng (vốn)) từ đây trở lên T cho mượn". Giấy biên nhận này do bà viết và được bà H ký xác nhận cho bà. Từ ngày 07 tháng 10 năm 2014 đến 01 tháng 4 năm 2015 bà không có lấy lãi của họ. Từ sau ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) thì bà H, ông C có trả lãi cho bà với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Chưa trả được khoản tiền gốc nào cho bà. Bà có ghi trong sổ theo dõi của bà là "*Lê Thị H đóng cho Thủy 3 triệu đồng, 8 cầu đóng 11 triệu đồng, tổng số gửi T được 14 triệu đóng lãi từ 2015-2022*". Thực tế bà H, ông C đóng lãi từ 2015 đến 2018, lúc ghi thì bà ghi 2018 nhưng bà nghĩ bà đòi tiền bà H vào năm 2022 nên bà có sửa lại 2022. Sau đó đến ngày 19 tháng 12 năm 2018 bà H, ông Cầu có đến gặp bà để xin bà tính số tiền lãi 14.000.000 đồng thành tiền vốn và trừ lại số tiền vay. Bà có ghi vào sổ theo dõi là *"H + C 35 triệu – 14 = 21 triệu đồng vốn, C- H còn thiếu T ấp A 21 triệu đồng vốn".* Giữa các bên có làm biên nhận với nội dung "19*/12/2018 Võ Văn cầu nhà ở ấp A xã B Lê Thị H là vợ Cầu ấp A xã B GR – Bạc Liêu còn thiếu Ngô Bích T 21 triệu đồng chẵn (vốn) (hai mươi mốt triệu đồng) vốn*", biên nhận này được ông C ký tên, bà H không có mặt và không ký tên vì bà nghĩ ông C là chồng ký cũng được nên không yêu cầu bà H ký. Sau đó do bà Hường không trả nợ nên ngày 03 tháng 01 năm 2021 bà có làm đơn yêu cầu gửi đến ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu để yêu cầu bà Lê Thị H trả cho bà số tiền vay gốc là 21.000.000 đồng và lãi 12.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng. Đến ngày 28 tháng 01 năm 2021 Ban hòa giải ở ấp có tiến hành hòa giải, thành phần hòa giải là ông Trần Văn S là trưởng ấp, ông Nguyễn Quốc V (cán bộ mặt trận ấp), ông Nguyễn Văn D (cán bộ nông dân ấp) và có sự chứng kiến của ông Trần Văn U. Tại buổi hòa giải thì bà H có thừa nhận nợ vay của bà là 35.000.000 đồng và có đóng được cho bà là 14.000.000 đồng, thừa nhận ký, viết tên của bà H tại các giấy nhận nợ. Thời điểm đóng 14.000.000 đồng này không có nói là tiền vốn hay lãi. Bà và Hường thống nhất là trừ 14.000.000 đồng này vào tiền vốn nên bà H chỉ còn nợ bà 21.000.000 đồng vốn, bà không yêu cầu lãi do nghĩ chỗ bà con với nhau. Bà yêu cầu bà H trả cho bà mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng bà H cho rằng bà H còn nợ Nhà nước và sẽ trả tiền cho bà sau 04 năm nữa nên bà không đồng ý. Do đó, buổi hòa giải này không thành. Từ sau khi hòa giải ngày 28 tháng 01 năm 2021 đến nay thì bà H không trả cho bà được khoản tiền nào. Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023 bà yêu cầu bà Hường trả cho bà 54.000.000 đồng gồm tiền vốn là 35.000.000 đồng và lãi là 19.000.000 đồng. Tuy nhiên, hôm nay bà chỉ yêu cầu bà H trả cho bà 21.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu hòa giải ngày 28 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm Tòa án giải quyết. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà là tự nguyện.

Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Lê Thị H trả cho bà số tiền nợ vay là 21.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích T, buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thủy số tiền nợ vay tiền vốn là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 10.500.000 đồng, tổng cộng là 31.500.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 22.500.000 đồng. Bà H phải chịu án phí trên yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận. Bà T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H trả cho bà số tiền nợ vay. Bà H có địa chỉ tại ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bà H nhưng bà Hường đều vắng mặt mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hường theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của bà Thủy thấy rằng: Vào ngày 07 tháng 10 năm 2014 bà T cho vợ chồng bà Lê Thị H và ông Võ Văn C (ông C đã chết 2019) vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000/tháng, vay không xác định thời hạn trả. Khi cho vay không làm biên nhận nhưng đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 mới viết lại biên nhận nợ. Từ sau ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) thì bà H, ông C có trả lãi cho bà với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Đến ngày 03 tháng 01 năm 2021 bà có làm đơn yêu cầu gửi đến ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu để yêu cầu bà Lê Thị H trả cho bà số tiền vay gốc là 21.000.000 đồng và lãi 12.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng.

[4] Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 28 tháng 01 năm 2021 (bút lục 48, 49) của Tổ hòa giải ấp A, xã B, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu thể hiện: Thành phần hòa giải gồm có ông Trần Văn S là trưởng ấp, ông Nguyễn Quốc V (cán bộ mặt trận ấp), ông Nguyễn Văn D (cán bộ nông dân ấp) và có sự chứng kiến của

ông Trần Văn U, tiến hành hòa giải cho bà T và bà H. Qua xác minh, Tòa án được ông S, ông Vu, ông D và ông U xác định: Tại buổi hòa giải bà Hường thừa nhận có vay nợ của bà T số tiền 35.000.000 đồng, bà H ông C đã trả cho bà T được 14.000.000 đồng, bà T đồng ý cấn trừ 14.000.000 đồng này vào tiền vốn vay và chỉ yêu cầu bà Hg trả số tiền vốn còn lại là 21.000.000 đồng, không yêu cầu lãi. Bà T yêu cầu bà H trả cho bà mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng bà H cho rằng bà còn nợ Nhà nước và sẽ trả tiền cho bà sau 04 năm nữa nên bà T không đồng ý (bút lục 44, 45, 50, 51, 52). Nội dung buổi hòa giải nêu trên được bà T thừa nhận. Do đó, có cơ sở xác định việc bà H vay tiền bà T là có xảy ra trên thực tế, bà Hường không chứng minh được bà Hường đã trả được cho bà T được số tiền mà bà T yêu cầu nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thủy, buộc bà Hường có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền vốn vay còn nợ là 21.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi trên số tiền vay: Bà T xác định bà yêu cầu tính lãi trên số vốn 21.000.000 đồng từ ngày 28 tháng 01 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28 tháng 7 năm 2023. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà T như sau: 10%/năm x 30 tháng x 21.000.000 đồng = 5.250.000 đồng.

[6] Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà H trả số tiền vốn là 35.000.000 đồng, lãi là 19.000.000 đồng, tổng cộng là 54.000.000 đồng, nhưng nay bà T chỉ yêu cầu bà H trả nợ vốn 21.000.000 đồng, lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28 tháng 01 năm 2021 đến ngày 28 tháng 7 năm 2023 được tính bằng 5.250.000 đồng, tổng cộng là 26.250.000 đồng, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền còn lại là 27.750.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thủy là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà H trả số tiền 27.750.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận bằng số tiền 26.250.000 đồng x 5% = 1.312.500 đồng. Bà T không phải chịu án phí.

[8] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR về việc buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà T tiền nợ vốn 21.000.000 đồng là có căn cứ. Về lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi được tính là 10%/năm như đã nhận định ở trên, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích T đối với bà Lê Thị H.

2. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Bích T số tiền 26.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích T về việc yêu cầu bà Lê Thị H thanh toán số tiền 27.750.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 1.312.500 đồng đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Ngô Bích T không phải chịu án phí, bà Ngô Bích T đã dự nộp tạm ứng án phí 1.350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004653 ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nên bà Ngô Bích T được nhận lại 1.350.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- Chi cục THADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi